

NGHIÊN CỨU QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG TẠI AGRIBANK CHI NHÁNH HUYỆN TUYÊN HÓA, QUẢNG BÌNH

Trịnh Văn Sơn¹, Nguyễn Mai Quỳnh Anh¹

Ngày nhận bài: 29/05/2024

Ngày nhận bản sửa: 10/06/2024

Ngày duyệt đăng: 28/06/2024

Tóm tắt. Để tiến hành nghiên cứu đề tài, chúng tôi đã tiến hành thu thập, điều tra thông tin, số liệu thứ cấp và điều tra khách hàng vay vốn tại Chi nhánh ngân hàng. Trên cơ sở nguồn thông tin số liệu thu thập, điều tra đề tài sử dụng các phương pháp như: phương pháp so sánh, thống kê mô tả và các phương pháp phân tích có liên quan để đánh giá theo các nội dung chủ yếu về công tác quản trị rủi ro tín dụng tại đơn vị nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên hóa, Quảng Bình đã đạt được nhiều kết quả và có nhiều thành công nhất định. Tuy nhiên, trong thực tế cho thấy công tác quản trị rủi ro tín dụng vẫn còn nhiều tồn tại hạn chế, đáng chú ý là tình trạng nợ xấu và nợ khó đòi tại Chi nhánh ngân hàng lại có xu hướng tăng qua các năm. Vì thế, để hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng, đòi hỏi Chi nhánh ngân hàng phải thật sự đổi mới công tác quản lý; Nâng cao hiệu quả công tác quản trị tốt rủi ro tín dụng; Hoàn thiện và tổ chức thực hiện tốt chặt chẽ quy trình cho vay vốn; Nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng.

Từ khóa: Tín dụng; Rủi ro; Quản trị rủi ro tín dụng.

1. Đặt vấn đề

Ngân hàng thương mại (NHTM) là một tổ chức tín dụng tài chính hoạt động với mục tiêu tạo lợi nhuận từ các hoạt động giao dịch tiền tệ. Các NHTM chủ yếu dựa vào tiền gửi thường xuyên từ khách hàng để cung cấp các dịch vụ tài chính tín dụng, chiết khấu và thanh toán. Tín dụng ngân hàng là hoạt động vay mượn giữa ngân hàng với cá nhân hoặc doanh nghiệp có nhu cầu vay vốn. Hoạt động tín dụng ngân hàng là hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu trong hoạt động truyền thống của các NHTM. Tuy nhiên, trong hoạt động tín dụng của các ngân hàng luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro và tổn thất có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh cũng như ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng (RRTD) xuất hiện một cách khách quan trong

hoạt động kinh doanh của NHTM và được các ngân hàng luôn đặc biệt quan tâm. RRTD là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Điều này có thể dẫn đến sự tổn thất tài chính cho ngân hàng, có thể làm cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng bị thua lỗ thậm chí bị phá sản.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) Việt Nam - Chi nhánh huyện Tuyên Hóa là đơn vị trực thuộc Agribank Chi nhánh bắc Quảng Bình. Trong những năm qua hoạt động kinh doanh nói chung và hoạt động tín dụng của Chi nhánh ngân hàng đã có những biến chuyển theo chiều hướng tích cực và hiệu quả. Song, hoạt động tín dụng, nhất là công tác quản trị RRTD vẫn còn một số tồn tại nhất định và chưa được kiểm soát một cách có hiệu quả. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2023, nợ xấu vẫn còn duy trì mức tỷ trọng khá cao (0,6%) trong tổng dư nợ. Vì vậy, để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đòi hỏi Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình là phải đổi mới và hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác quản trị RRTD, quản lý và kiểm soát một cách thường xuyên, có hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu các thiệt hại phát sinh từ rủi ro tín dụng, góp phần tăng doanh thu, lợi nhuận kinh doanh của Chi nhánh ngân hàng.

2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp thu thập số liệu*: Thu thập thông tin, số liệu là một việc rất quan trọng trong nghiên cứu thực hiện đề tài. Nguồn thông tin, số liệu được thu thập chính từ nguồn thứ cấp và điều tra sơ cấp. Nguồn thứ cấp được thu thập trước hết từ hệ thống các văn bản liên quan đến tín dụng, RRTD của Ngân hàng Nhà nước, Agribank Việt Nam và Hội sở; của Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình.

Nguồn thông tin số liệu điều tra sơ cấp được tiến hành điều tra, khảo sát thuộc nhóm Khách hàng cá nhân đang vay vốn tại Chi nhánh ngân hàng. Theo Slovin, kích thước mẫu tương ứng:

$$n = \frac{N}{1 + N \cdot \varepsilon^2}$$

Trong đó: n: kích thước mẫu nghiên cứu

N: kích thước tổng thể nghiên cứu là tổng số khách hàng tại Agribank CN Tuyên Hoá là 4.196 người (*Bảng 1*).

ε : sai số chọn mẫu (trong nghiên cứu này, tác giả chọn với $\varepsilon = 8\%$)

Bảng 1: Số lượng khách hàng giao dịch tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình trong năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)
1	Cá nhân	322
2	Hộ gia đình	3.858
3	Công ty TNHH	14
4	Công ty cổ phần	2
Tổng số		4.196

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa

Năm 2022, theo số liệu thống kê, tổng số khách hàng đang giao dịch vay vốn tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hoá là 4.196 người, để đảm bảo tính đại diện và kích thước mẫu mà nghiên cứu lựa chọn là $n = 150$ khách hàng. Nhằm đảm bảo tính đại diện cho tổng thể nghiên cứu, chúng tôi tiến hành khảo sát và thu nhận được bảng hỏi từ 160 khách hàng, trong đó có 157 bảng hỏi hợp lệ.

Để khảo sát khách hàng, trên cơ sở mục tiêu và nội dung nêu ra, chúng tôi sử dụng Bảng câu hỏi Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý, (3) Không ý kiến; (4) Đồng ý; (5) Hoàn toàn đồng ý; các câu hỏi được thiết kế theo các nội dung liên quan đến quản trị rủi ro tín dụng.

- *Phương pháp thống kê mô tả*: Nhằm phân tích để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu phân tích. Phương pháp thống kê mô tả được sử dụng để tóm tắt hoặc mô tả một tập hợp dữ liệu với các giá trị thường dùng là trung bình cộng và độ lệch chuẩn.

- *Phương pháp so sánh*: Phương pháp này được sử dụng phổ biến trong phân tích kinh doanh, nhằm so sánh đối chiếu các số liệu, chỉ tiêu, hiện tượng kinh tế...đã được lượng hóa. Thông qua so sánh để đánh giá mức độ biến động cũng như xu hướng của các chỉ tiêu...So sánh để xác định mức biến động tuyệt đối, số tương đối, mức biến động theo hướng quy mô phát triển, so sánh bằng số bình quân...

3. Tổng quan lý thuyết

3.1. Rủi ro tín dụng và quản trị rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là là ngôn từ được sử dụng trong hoạt động cho vay của các ngân hàng, đó là khả năng không chi trả được nợ của khách hàng đối với ngân hàng khi đến

hạn phải thanh toán. Trong hoạt động tín dụng, ngân hàng là người cho vay luôn phải chịu rủi ro khi chấp nhận một hợp đồng cho vay tín dụng. Bất kỳ một hợp đồng cho vay nào của ngân hàng cũng đều có RRTD. Hoạt động chính của các Ngân hàng thương mại (NHTM) là hoạt động cho vay nên RRTD là yếu tố rất quan trọng, đòi hỏi ngân hàng phải có khả năng phân tích, đánh giá và quản lý RRTD hiệu quả. Vì thế, bộ phận quản lý tín dụng và quản trị rủi ro là không thể thiếu trong cơ cấu tổ chức của các ngân hàng.

Quản trị RRTD được hiểu là quá trình nhận diện, phân tích nhân tố và đo lường mức độ rủi ro, quản trị RRTD đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an toàn cho hoạt động tín dụng của ngân hàng. Thực hiện tốt công tác quản trị RRTD sẽ góp phần giảm thiểu rủi ro và tăng cường các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và giảm thấp nợ quá hạn, nợ xấu trong kinh doanh tín dụng, từ đó tăng doanh thu, giảm chi phí và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng.

Trong hoạt động cho vay tín dụng của ngân hàng, RRTD luôn xuất hiện ở tất cả các khâu từ giai đoạn thẩm định, ra quyết định đến giai đoạn cho vay và giai đoạn kiểm tra sau cho vay. Do đó, công tác quản trị RRTD phải hoàn thiện từ các khâu: Xây dựng quy trình quản trị RRTD; Nhận biết RRTD; Phân tích, đo lường và quản lý cũng như kiểm soát và Xử lý RRTD. Tuy nhiên, trong quy trình quản trị RRTD cần nhất quán với nguyên tắc có tính xuyên suốt là các khâu phải có sự gắn kết với nhau tạo thành một chu trình liên tục, bảo đảm kiểm soát được rủi ro theo mục tiêu đã định.

3.2. Mô hình định tính đo lường rủi ro tín dụng

Đối với các NHTM, mô hình cần phân tích trên 3 thành tố:

- Thành tố 1: Công tác phân tích tín dụng

Cán bộ tín dụng (CBTD) của ngân hàng khi được giao xác định đối với mỗi đơn xin vay vốn của khách hàng thì cần phải phân tích tín dụng để trả lời được các câu hỏi: Mức độ tín nhiệm của khách hàng và mức độ hiểu biết đối với khách hàng? Khách hàng có khả năng trả nợ khi đến hạn hay không? Nói cách khác là cần nghiên cứu khách hàng trên các mặt: tính cách (Character), năng lực (Capacity), vốn (Capital), dòng tiền (Cash flows), tài sản thế chấp (Collateral) và điều kiện (Conditions). Tất cả các tiêu chí này phải được đánh giá tốt, thì khoản vay mới được xem là khả thi.

- Thành tố 2: Công tác kiểm tra tín dụng

Mỗi NHTM đều có quy trình quản trị RRTD, song với nguyên lý chung nhất được áp dụng tại tất cả các ngân hàng là: Tiến hành kiểm tra định kỳ và thường xuyên tất cả

các loại tín dụng, các khâu, công đoạn trong quá trình cho vay vốn.

- *Thành tố 3: Sử dụng Hệ thống tỷ số tài chính đánh giá khách hàng vay vốn*

Để phân tích và đánh giá RRTD, các NHTM cần sử dụng Hệ thống tỷ số tài chính gồm 4 nhóm: Nhóm tỷ số thanh khoản (Liquidity ratios); Nhóm tỷ số hoạt động (Activity ratios); Nhóm tỷ số đòn bẩy (Leverage ratios) và Nhóm tỷ số khả năng sinh lời (Profitability ratios) để đánh giá nhóm khách hàng vay vốn tại ngân hàng.

3.3. Mô hình định lượng đo lường rủi ro tín dụng

Để đo lường RRTD, các ngân hàng đã tiếp cận sử dụng các phương pháp đánh giá đo lường RRTD. Các ngân hàng tiến hành xây dựng mô hình đo lường rủi ro thích hợp để đo lường RRTD đối tượng khách hàng, xác định được rủi ro và giới hạn tín dụng an toàn và trích lập dự phòng rủi ro.

Trong thực tế tại các NHTM, để đo lường RRTD, phần lớn sử dụng 2 mô hình định lượng để đo lường: Mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ và Mô hình tính tổn thất tín dụng.

- *Mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ*: Là công cụ đo lường RRTD đối với từng nhóm khách hàng theo cách thức dựa vào bộ thang điểm thống nhất nhằm đánh giá các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính của khách hàng.

- *Mô hình tính tổn thất tín dụng (EL-Expected Loss)*: Dựa trên hệ thống cơ sở dữ liệu đánh giá nội bộ - IRB (Internal Ratings Based). Mô hình tính toán tổn thất dựa vào việc ước lượng tổn thất với 3 yếu tố chính là: Xác suất người vay không trả được nợ (PD - Probability of Default); Dự đoán dư nợ của khách hàng tại thời điểm phát sinh nợ xấu (EAD - Exposure at Default) và Tỷ lệ phần trăm của dư nợ vay không thu hồi được vào lúc phát sinh nợ xấu (LGD - Loss Given Default).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đánh giá thực trạng về quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình (Chi nhánh ngân hàng NN&PTNT huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình) là Chi nhánh cấp II trực thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) Bắc Quảng Bình với chức năng là đơn vị kinh doanh tiền tệ, tín dụng, dịch vụ ngân hàng theo quy định và theo Luật các tổ

chức tín dụng. Với chiến lược “vay để cho vay”, Chi nhánh đã không ngừng mở rộng hoạt động huy động vốn.

- Đánh giá thực trạng huy động vốn tại Agribank Chi nhánh Tuyên Hóa

Bảng 2: Thực trạng huy động vốn tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa- Quảng Bình, giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm			2022/2021		2023/2022	
		2021	2022	2023	+/-	%	+/-	%
	Tổng huy động vốn	247.874	263.965	337.841	16.091	6,49	73.876	27,99
I	Theo thành phần kinh tế							
	Dân cư	247.874	263.965	337.841	16.091	6,49	73.876	27,99
II	Theo kỳ hạn							
1	Không kỳ hạn	88.235	89.325	150.432	1.090	1,24	61.107	68,41
2	Dưới 12 tháng	91.487	98.120	100.280	6.633	7,25	2.160	2,20
3	Từ 12 - 24 tháng	60.382	68.385	75.152	8.003	13,25	6.767	9,90
4	Trên 24 tháng	7.770	8.135	11.977	365	4,70	3.842	47,23

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Từ kết quả ở Bảng 2 cho thấy, qua 3 năm tổng nguồn vốn huy động đã tăng lên đáng kể, và tăng dần qua các năm. Tổng dư nợ qua các năm từ 2021 - 2023 đang tăng dần cho thấy quy mô tín dụng đang dần dần được mở rộng. Chi nhánh ngân hàng đã thu được hiệu quả tích cực sau khi thực hiện nhiều giải pháp như hạ lãi suất, đưa ra các gói ưu đãi tín dụng, rút gọn và đẩy nhanh quy trình, thủ tục vay vốn giúp hoạt động cho vay diễn ra nhanh chóng và tiện lợi hơn.

- Đánh giá thực trạng dư nợ tín dụng tại Agribank Chi nhánh Tuyên Hóa

Bảng 3: Thực trạng Dư nợ tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình, giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm			2022/2021		2023/2022	
		2021	2022	2023	+/-	%	+/-	%
	Tổng dư nợ	990.052	1.035.452	1.135.895	45.400	4,59	100.443	9,70
I	Theo tiền tệ							
	Nội tệ	990.052	1.035.452	1.135.895	45.400	4,59	100.443	9,70
II	Theo thời hạn cho vay							
1	Ngắn hạn	633.529	663.059	728.507	29.530	4,66	65.448	9,87
2	Trung hạn	346.518	362.408	397.563	15.890	4,59	35.155	9,70
3	Dài hạn	10.005	9.985	9.825	-20	-0,20	-160	-1,60
III	Theo thành phần kinh tế							
1	DN vừa và nhỏ	32.000	40.000	55.000	8.000	25,00	15.000	37,50
2	Hộ gia đình; cá nhân	958.052	995.452	1.080.895	37.400	3,90	85.443	8,58

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Theo số liệu Bảng 3, phản ánh số liệu về tổng dư nợ tín dụng của Chi nhánh ngân hàng trong giai đoạn 2021-2023. Tổng dư nợ được phân theo loại tiền tệ, theo thời hạn vay và theo thành phần kinh tế. Kết quả phân tích theo thời hạn cho vay cho thấy dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng dư nợ (trên 50%) và tỷ trọng dư nợ tín dụng trung hạn lại có xu hướng tăng, tỷ trọng dư nợ dài hạn lại có xu hướng giảm dần qua các năm.

- Đánh giá công tác nhận diện RRTD tại Agribank Chi nhánh Tuyên Hóa

Để nhận diện RRTD, Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình đã tiến hành thực hiện công tác phân tích tình hình tài chính, phi tài chính; Phân tích và rà soát hồ sơ vay vốn, Tiến hành kiểm tra thực tế khách hàng và quy chế quản lý RRTD.

Bảng 4: Bảng phân tích về công tác nhận diện rủi ro tín dụng thông qua quy mô và cơ cấu nợ theo nhóm nợ tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm			2022/2021		2023/2022	
	2021	2022	2023	+/-	%	+/-	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	966.291	1.010.601	1.108.634	44.310	4,59	98.032	9,70
Nợ cần chú ý	17.821	18.638	20.446	817	4,59	1.808	9,70
Nợ xấu	2.970	3.106	3.408	136	4,59	301	9,70
Tổng cộng	987.082	1.032.346	1.132.487	45.264	4,59	100.142	9,70

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Từ bảng số liệu cho thấy, trong giai đoạn 2021-2023 quy mô và cơ cấu nợ gồm 3 loại: Nợ đủ tiêu chuẩn; nợ cần chú ý; nợ xấu đều tăng dần đều qua các năm. Trong đó: Nợ đủ tiêu chuẩn năm 2022 tăng 44.310 triệu đồng, năm 2023 tăng 98.032 triệu đồng tương ứng tăng 4,59% mỗi năm.

- Đánh giá công tác đo lường rủi ro tín dụng thông qua nợ quá hạn tại Agribank Chi nhánh Tuyên Hóa

Rủi ro tín dụng được thể hiện rõ nét theo các chỉ tiêu về tỷ lệ nợ, nợ quá hạn và nợ xấu. Số liệu bảng phân tích (Bảng 5) nhận thấy tỷ lệ nợ quá hạn không có sự biến động nhiều qua các năm. Cụ thể: Năm 2021 tổng nợ quá hạn là 17.821 triệu đồng, đến năm 2022 tổng nợ quá hạn lại tăng vượt bậc lên đến mức 18.638 triệu đồng (tăng 817 triệu đồng so với năm 2021).

Bảng 5: Bảng đánh giá về chỉ tiêu Nợ quá hạn tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm			2022/2021		2023/2022	
		2021	2022	2023	+/-	%	+/-	%
1	Nhóm 2	17.821	18.638	20.446	817	4,59	1.808	9,70
2	Nhóm 3	1.980	2.071	2.272	91	4,59	201	9,70
3	Nhóm 4	990	1.035	1.136	45	4,59	100	9,70
4	Nhóm 5	2.970	3.106	3.408	136	4,59	301	9,70
5	Tổng nợ quá hạn	17.821	18.638	20.446	817	4,59	1.808	9,70
6	Tổng dư nợ	990.052	1.035.452	1.135.895	45.400	4,59	100.443	9,70
7	Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ (%)	1,80	1,80	1,80	-	0,00	-	0,00

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

- Đánh giá công tác đo lường rủi ro tín dụng thông qua nợ xấu tại Agribank

Chi nhánh Tuyên Hóa

Theo Điều 3, Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã quy định “Nợ xấu là các khoản nợ thuộc nhóm 3,4, và 5”.

Bảng 6: Thực trạng nợ xấu tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình giai đoạn 2021-2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm			2022/2021		2023/2022	
		2021	2022	2023	+/-	%	+/-	%
1	Nhóm 3	1.980	2.071	2.272	91	4,59	201	9,70
2	Nhóm 4	990	1.035	1.136	45	4,59	100	9,70
3	Nhóm 5	2.970	3.106	3.408	136	4,59	301	9,70
4	Tổng nợ xấu	5.940	6.213	6.815	272	4,59	603	9,70
5	Tổng dư nợ	990.052	1.035.452	1.135.895	45.400	4,59	100.443	9,70
6	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ (%)	0,60	0,60	0,60	-	0,00	-	0,00

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Kết quả số liệu phân tích thực trạng các nhóm nợ xấu tại C: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình (Bảng 6) cho thấy: Các nhóm nợ xấu thuộc nhóm 3,4,5 đều có xu hướng tăng lên qua các năm trong giai đoạn 2021-2023, trong đó nhóm nợ thuộc nợ xấu nợ, nhóm 5 có quy mô lớn nhất và chiếm tỷ trọng cao, tiếp đó là nhóm 3 và 4. Điều này hàm chứa mức độ đo lường RRTD khá cao, chứa đựng nhiều rủi ro.

Nếu xem xét về tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho thấy hầu như không thay đổi qua các năm (0,6%/năm), kết quả này cho thấy xu hướng tăng các nhóm nợ xấu so với tổng dư nợ là tương đối hợp lý. Nghĩa là nợ xấu tăng qua các năm là do tổng dư nợ tín dụng tăng, đây vừa thể hiện mức độ rủi ro tín dụng khá cao, vừa thể hiện vai trò của Chi

nhánh ngân hàng trong việc quản lý và điều hành trong hoạt động huy động và cho vay vốn, song nó cho thấy mức độ tiềm ẩn rủi ro tương đối cao.

- Đánh giá công tác quản lý kiểm soát rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh Tuyên Hóa

Trong hoạt động tín dụng, công tác kiểm soát RRTD được thực hiện đồng bộ từ cán bộ tín dụng (CBTD), phụ trách quản lý tín dụng, CBTD sau khi nhận được hồ sơ và thông tin khách hàng vay vốn, CBTD sẽ tiến hành điều tra, thu thập, xác minh và sàng lọc thông tin khách hàng, tiến hành tổng hợp thông tin về khách hàng và phương án phê duyệt để cho vay trình quản lý. Từ kết quả kiểm soát RRTD thông qua quá trình thu thập thông tin, kiểm tra, kiểm soát khách hàng là cơ sở giúp Chi nhánh ngân hàng biết được chính xác tình hình tài chính, điều kiện kinh doanh và uy tín của khách hàng, từ đó sẽ giảm thiểu được RRTD trong quá trình cấp tín dụng cho khách hàng.

Ngoài việc kiểm soát chặt chẽ quá trình thu thập và xác minh thông tin khách hàng, Chi nhánh ngân hàng còn tiến hành kiểm tra, giám sát công tác trước khi cho vay, khâu thực hiện cho vay và kiểm tra giám sát sau khi giải ngân, ... Công tác kiểm tra giám sát khách hàng với mục đích đảm bảo các khoản cho vay được sử dụng đúng mục đích, đúng theo hợp đồng, tiến độ và ngăn ngừa các nguy cơ rủi ro có thể phát sinh.

- Đánh giá công tác xử lý rủi ro tín dụng tại Agribank Chi nhánh Tuyên Hóa

Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam đã quy định về chính sách lập quỹ dự phòng RRTD. Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình cơ bản đã thực hiện tốt công tác trích lập quỹ dự phòng theo đúng quy định đối với từng khoản vay. Đối với công tác quản trị và xử lý rủi ro tín dụng, Chi nhánh ngân hàng Tuyên Hóa đã thực hiện xử lý RRTD theo 2 hình thức: Nguồn phát mại tài sản đảm bảo và Trích lập dự phòng.

Bảng 7: Bảng phân tích về Trích lập dự phòng rủi ro tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình, giai đoạn 2021-2023

		Đơn vị tính: Triệu đồng						
STT	Chỉ tiêu	Năm			2022/2021		2023/2022	
		2021	2022	2023	+/-	%	+/-	%
1	Tổng dư nợ	990.052	1.035.452	1.135.895	45.400	4,59	100.443	9,70
2	Trích dự phòng	7.800	8.500	9.500	700	8,97	1.000	11,76
3	Tỷ lệ dự phòng/Tổng dư nợ (%)	0,79	0,82	0,84	0,03	4,20	0,02	1,88

Nguồn: Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

Từ Bảng số liệu phân tích (Bảng 7) cho thấy: Tỷ lệ số tiền trích dự phòng trên Tổng dư nợ qua 3 năm có xu hướng tăng, nghĩa là qua các năm cùng với dư nợ tăng thì số tiền trích dự phòng RRTD cũng tăng khá hợp lý. Công tác trích lập dự phòng là một trong các hình thức quan trọng giúp Chi nhánh ngân hàng hoàn thiện công tác quản trị RRTD, giúp ổn định, an toàn trong hoạt động kinh doanh.

4.2. Ý kiến đánh giá của nhóm đối tượng khách hàng về công tác quản trị tín dụng tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình

- Đặc điểm mẫu đối tượng khách hàng điều tra:

Để đánh giá công tác quản lý RRTD, chúng tôi tiến hành khảo sát nhóm khách hàng đang vay vốn tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa. Số liệu về đặc điểm các nhóm khách hàng ở Bảng 8.

Bảng 8: Đặc điểm nghiên cứu nhóm khách hàng

Tiêu chí	Phân loại	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
Giới tính	Nam	107	68,2
	Nữ	50	31,8
	Tổng	157	100
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	18	11,5
	Từ 30 đến 40 tuổi	79	50,3
	Từ 41 đến 50 tuổi	25	15,9
	Trên 50 tuổi	35	22,3
	Tổng	157	100
Trình độ học vấn	THPT hoặc thấp hơn	46	29,3
	Cao đẳng, Trung cấp	68	43,3
	Đại học	30	19,1
	Sau đại học	13	8,3
	Tổng	157	100
Thời gian vay vốn của khách hàng tại Chi nhánh ngân hàng	Từ 1 năm đến 5 năm	65	41,4
	Từ 6 đến 10 năm	53	33,8
	Từ 11 năm trở lên	39	24,8
	Tổng		100

Nguồn : Tính toán từ số liệu điều tra

- Ý kiến đánh giá về chính sách quản lý tín dụng:

Hầu hết ý kiến đánh giá của nhóm khách hàng đều phản ánh khá tốt về chính sách quản lý tín dụng như việc tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên, bố trí sử dụng nhân viên hợp lý. Các chính sách quản lý tín dụng sẽ đóng vai trò tích cực đối với việc giảm thiểu RRTD tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa.

Bảng 9: Kết quả đánh giá về Chính sách quản lý tín dụng

Chỉ tiêu	Mức độ đồng ý (%)					GTTB
	1	2	3	4	5	
Công tác tổ chức tốt các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên	0,0	2,5	32,5	45,2	19,7	3,82
Chính sách bố trí nhân viên hợp lý	0,0	5,1	36,9	35,7	22,3	3,75
Quy trình tín dụng được thực hiện đầy đủ, chuẩn xác	0,0	3,8	40,8	44,6	10,8	3,62
Cơ cấu tín dụng hợp lý	0,0	3,2	3,3	49,7	10,8	3,68
Hiệu quả của công tác kiểm tra nội bộ tốt	0,0	5,7	37,6	43,9	12,7	3,64

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

- Ý kiến đánh giá về năng lực của cán bộ tín dụng của Chi nhánh:

Đối với nhận định “*Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay*”, giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý các khách hàng với nhận định này tương đối cao với 3,62 điểm.

Bảng 10: Kết quả đánh giá về Năng lực cán bộ tín dụng của Chi nhánh

Chỉ tiêu	Mức độ đồng ý (%)					GTTB
	1	2	3	4	5	
Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát sau khi cho vay	0,0	6,4	41,4	36,3	15,9	3,62
Thẩm định dự án đầu tư chính xác, rõ ràng	0,0	0,6	42,0	28,0	29,3	3,86
Trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng, quản lý rủi ro là rất tốt	0,0	1,3	35,7	42,0	21,0	3,83
Cán bộ nhân viên ngân hàng có nhiều kinh nghiệm trong quản lý rủi ro tín dụng	0,0	8,3	45,9	37,6	8,3	3,46

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Với nội dung “*Trình độ chuyên môn của cán bộ tín dụng, quản lý rủi ro là rất tốt*” giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý đạt 3,83 điểm. Kết quả đánh giá đã cho thấy việc đào tạo và nâng cao năng lực của cán bộ tín dụng có vai trò rất quan trọng đến giảm RRTD tại Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa.

- Ý kiến đánh giá về năng lực của khách hàng

Bảng 11: Kết quả đánh giá về Năng lực của khách hàng

Chỉ tiêu	Mức độ đồng ý (%)					GTTB
	1	2	3	4	5	

Khách hàng vay có năng lực khá tốt về tài chính	0,0	3,2	31,8	42,7	22,3	3,84
Khách hàng vay có năng lực tốt trong kinh doanh	0,0	1,3	38,9	47,8	12,1	3,71
Thiện chí trả nợ của khách hàng cao	0,0	1,3	31,8	44,6	22,3	3,88
Khách hàng trung thực, cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin theo yêu cầu	0,0	3,2	33,1	48,4	15,3	3,76

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Với yếu tố “*Năng lực tài chính của khách hàng tốt*”, có 102 khách hàng đồng ý trở lên, bao gồm 67 người đồng ý và 35 người rất đồng ý, chiếm 42,7% và 22,3%. Ngược lại, khách hàng lại đánh giá rất cao về “*thiện chí trả nợ của bản thân*”, có giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý là 3,88 điểm. Điều này cho thấy, Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa đã có nhiều nỗ lực trong việc quản lý năng lực trả nợ của khách hàng.

- Ý kiến đánh giá về môi trường pháp lý và kinh tế:

Bảng 12: Kết quả đánh giá về Môi trường pháp lý và kinh tế

Chỉ tiêu	Mức độ đồng ý (%)					GTTB
	1	2	3	4	5	
Môi trường kinh tế ổn định	0,0	3,8	40,8	38,9	16,6	3,68
Kinh tế địa phương tăng trưởng ổn định	0,0	3,8	38,2	45,2	12,7	3,67
Môi trường pháp lý hoàn thiện	0,0	3,2	33,1	49,0	14,6	3,75

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Yếu tố “*Môi trường pháp lý hoàn thiện*” là nội dung thành phần trong Môi trường pháp lý và kinh tế có giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý của khách hàng cao nhất với 3,75 điểm. Đối với “*Môi trường kinh tế ổn định*” Giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý của khách hàng là 3,68 điểm. Điều này đã cho thấy, các yếu tố về môi trường pháp lý và kinh tế có ảnh hưởng tích cực đến việc hạn chế RRTD.

- Ý kiến đánh giá về tài sản đảm bảo khoản vay:

Bảng 13: Kết quả đánh giá về Tài sản đảm bảo khoản vay

Chỉ tiêu	Mức độ đồng ý (%)	GTTB
----------	-------------------	------

	1	2	3	4	5	
Thủ tục bảo đảm tài sản cho vay thuận lợi	0,0	9,6	40,1	43,9	6,4	3,47
Tài sản đảm bảo cho khoản vay đáng tin cậy	0,0	0,0	5,7	43,3	42,7	3,54
Quy trình xử lý tài sản đảm bảo rõ ràng và công khai	0,0	7,0	40,1	40,8	12,1	3,58
Hồ sơ thể chấp chặt chẽ	0,0	5,1	52,9	36,3	5,7	3,43

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

Để giảm thiểu RRTD, việc thẩm định và đánh giá các khoản vay rất quan trọng. Kết quả đánh giá cho thấy, việc thẩm định và thực hiện các thủ tục để đảm bảo các khoản vay được đánh giá khá tốt với giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý của khách hàng với yếu tố “*Thủ tục bảo đảm tài sản cho vay thuận lợi*” là 3,47 điểm. Tuy vậy, vấn đề hồ sơ thể chấp là nội dung có giá trị trung bình thể hiện mức độ đồng ý khá thấp.

5. Một số hàm ý chính sách và giải pháp

Trên cơ sở phân tích thực trạng công tác quản trị RRTD tại Chi nhánh ngân hàng, nghiên cứu đã đề xuất một số hàm ý chính sách liên quan đến công tác quản trị RRTD tại ngân hàng như:

+ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản trị RRTD theo quy định, đảm bảo tính khách quan và hiệu quả quản lý rủi ro.

+ Thực hiện tốt và chuẩn hóa quy trình cấp tín dụng, tăng cường trách nhiệm của cán bộ tín dụng, tăng khả năng kiểm soát rủi ro trong hoạt động cho vay. Chi nhánh ngân hàng hoàn thiện và ban hành quy trình hướng dẫn cán bộ tín dụng trong quá trình thu thập thông tin, thẩm định, đánh giá khách hàng để hạn chế nguy cơ tiềm ẩn RRTD.

+ Tuân thủ quy trình, chính sách cho vay, quy trình thẩm định, phê duyệt tín dụng, chính sách thu hồi nợ và báo cáo rủi ro, đảm bảo an toàn, sinh lời cho ngân hàng, nâng cao chất lượng tín dụng.

+ Cần thực hiện tốt việc phân loại nợ và trích lập dự phòng RRTD theo các tỷ lệ dư nợ rủi ro hợp lý. Việc xử lý rủi ro được thực hiện phù hợp với văn hóa của tổ chức, phải bảo đảm đầy đủ hồ sơ pháp lý, đúng thủ tục, khách quan và công bằng.

+ Chi nhánh ngân hàng cần nhanh chóng kiện toàn các bộ phận nghiên cứu, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng nhằm nhận diện rủi ro và tham mưu cho ban điều hành.

+ Đầu tư hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin, phát triển hệ thống quản lý nội bộ nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi phù hợp với quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động tín dụng cá nhân, cũng như yêu cầu quản trị điều hành hệ thống.

+ Hoàn thiện và đưa vào sử dụng mô hình kiểm soát RRTD, bộ công cụ xếp hạng tín dụng nhằm hỗ trợ quá trình đánh giá RRTD. Đa dạng hóa danh mục cho vay, phát triển sản phẩm cho vay truyền thống trên cơ sở ứng dụng nền tảng công nghệ.

+ Xây dựng chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, giỏi công nghệ và các kỹ năng mềm.

+ Thực hiện bảo hiểm tín dụng là một biện pháp quan trọng nhằm san sẻ rủi ro trong hoạt động tín dụng. Bảo hiểm tín dụng có thể thực hiện dưới các hình thức như: Bảo hiểm cho hoạt động cho vay, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm tiền vay.

6. Kết luận

Cùng với quá trình tự do hóa tài chính, quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và cùng với quá trình đổi mới phát triển của NHTM ở nước ta có thể làm cho nợ xấu gia tăng trong môi trường cạnh tranh khá gay gắt. Với thực tế đó đã khiến các doanh nghiệp, những khách hàng thường xuyên của ngân hàng phải đối mặt với nguy cơ thua lỗ với quy luật chọn lọc của thị trường. Tín dụng ngân hàng là quan hệ tín dụng giữa ngân hàng, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, khách hàng cá nhân theo nguyên tắc hoàn trả. Do đó, có thể xem RRTD là rủi ro kinh doanh nhưng được nghiên cứu dưới góc độ ngân hàng.

Quản trị RRTD là một nội dung quan trọng trong hoạt động của ngân hàng, quá trình này bao gồm việc đánh giá, đo lường và quản lý các nguy cơ liên quan đến hoạt động tín dụng, hoạt động cho vay tiền và xác định khả năng của khách hàng vay trả nợ. Quản trị RRTD giúp ngân hàng xác định mức tín dụng an toàn và giúp bảo vệ lợi ích của ngân hàng và khách hàng, đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính.

Kết quả nghiên cứu về công tác quản trị RRTD tại Chi nhánh ngân hàng NN&PTNT huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình đã cho thấy công tác quản trị RRTD tương đối có hiệu quả, nhờ có cơ cấu tổ chức, chính sách quản trị rủi ro phù hợp, quá trình nhận diện đánh giá rủi ro khá tốt và đã có các biện pháp xử lý rủi ro linh hoạt. Công tác

quản lý hoạt động tín dụng với độ tăng trưởng tín dụng, tổng dư nợ, nợ xấu và lập dự phòng RRTD có xu hướng tăng qua các năm, tỷ lệ nợ xấu duy trì được dưới mức 1,0%. Thành quả đó có thể nói Chi nhánh đã thực hiện khá tốt và nghiêm túc công tác quản lý nợ quá hạn, nợ xấu, luôn tuân thủ việc định kỳ gia hạn nợ, gia hạn và giãn nợ theo đúng quy định; luôn quan tâm tới công tác xử lý nợ tồn đọng, phân tích những khó khăn thuận lợi để tìm ra các biện pháp xử lý linh hoạt.

Đồng thời, để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị RRTD, Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa đã thường xuyên tăng cường công tác kiểm soát gia tăng tín dụng trên cơ sở cân đối nguồn vốn gắn liền với việc tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy trình tín dụng ở từng khâu, từng giai đoạn. Chi nhánh đã thường xuyên đánh giá, phân tích thực trạng các khoản vay, đặc biệt là các khoản vay có tiềm ẩn rủi ro dẫn đến khả năng không thu được nợ.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản trị RRTD tại Chi nhánh ngân hàng vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, ảnh hưởng đến kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh:

- Chi nhánh chưa thành lập bộ phận chuyên trách về quản trị rủi ro, công tác phân loại các khoản vay theo mức độ rủi ro và công tác xây dựng giới hạn tín dụng đối với từng khách hàng, nhóm khách hàng, ngành kinh tế, khu vực và xử lý các khoản vay còn có nhiều vấn đề chưa hoàn thiện.

- Hệ thống thông tin chưa cập nhật kịp thời; Hệ thống phân loại và xếp hạng tín dụng chưa toàn diện; chưa đánh giá khách hàng theo vòng đời của dự án, theo biến động thị trường, khả năng thu hồi vốn, tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ.

- Chưa đa dạng hóa danh mục cho vay nhằm phân tán rủi ro; Công tác xử lý tài sản đảm bảo còn chậm, Công tác thu hồi nợ còn nhiều hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Agribank Chi nhánh huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình, *Các Báo cáo kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo liên quan khác qua các năm 2020, 2021, 2022, 2023.*

Ngân hàng Nhà nước (2011), *Thông tư số 44/2011/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ của tổ chức tín dụng.*

Nguyễn Xuân Trường, *Hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng tại Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Tuyên Hóa, Quảng Bình*, Luận văn cao học, 2023, GV hướng dẫn Trình Văn Sơn

Phạm Hồng Hải (2016), “Quản trị rủi ro trong tổ chức tài chính vi mô” Học viện Phụ nữ Việt Nam, Hà nội.

Phan Thị Hồng Thảo và cộng sự (2018); “Quản trị rủi ro trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô” Học viện ngân hàng .

Quốc hội (2010), *Luật các tổ chức tín dụng, số 47/2010/QH12 ban hành ngày 17/06/2010*, NXB chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 15/3/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

RESEARCH ON CREDIT RISK MANAGEMENT AT THE AGRIBANK TUYEN HOA DISTRICT BRANCH, QUANG BINH

Trình Văn Sơn, Nguyễn Mai Quỳnh Anh

Abstract. This article studies credit risk management at the Tuyen Hoa District Branch of the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (VBARD), Quang Binh. The research utilized secondary data; primary data from the survey of borrowers, and employed descriptive statistics and comparative analysis methods to evaluate aspects related to credit risk management. The results indicated that bad debts and non-performing loans at the VBARD - Tuyen Hoa District Branch, Quang Binh, have increased over the past three years. To effectively manage credit risk, the branch needs to strictly adhere to the lending process, enhance the capabilities of credit officers, and offer loans with various terms to ensure a balance between short-term, medium-term, and long-term loans.

Keywords: Credit; Risk; Credit Risk Management.